

PHỤ LỤC V

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV LCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẮC QUẢNG BÌNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MST: 3100283886

Số: 50/BC-CT

Quảng Bình, ngày 15 tháng 6 năm 2019

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và đầu tư

- UBND tỉnh Quảng Bình

Năm báo cáo 2019

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2019)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	- Nhựa Thông	Tấn	238,311	178,413	100,456	110
b)	- Gỗ rừng trồng	m ³	5.341,250	10.525,060	7.389,400	9.000
c)	- Cây Keo lai hom	Cây	705.500	585.063	500.000	600.000
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	18,482	15,903	18,764	14,170
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,050	0,025	0,029	0,030
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,281	0,239	0,351	0,401
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	ha	23.500	22.796,24	22.627,11	22.627,11
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	“				
b)	- Vốn vay	“			1,386	2,500
c)	- Vốn khác	“				
8	Tổng lao động	Người	140	125	109	101
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	7,416	7,252	6,733	6,361
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	0,702	0,702	0,700	0,700
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	6,714	6,550	6,033	5,661

* Thuận lợi, khó khăn:

- Những thuận lợi:

+ Nhà nước có nhiều chính sách phù hợp đối với doanh nghiệp để tạo điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

+ Là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty nhận được sự quan tâm giúp đỡ của thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đảng ủy khối doanh nghiệp, các sở ban ngành chức năng, UBND huyện Bồ Trách, Quảng Trách, Minh Hóa, thị xã Ba Đồn và các xã có diện tích rừng trên địa bàn.

+ Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất Lâm nghiệp. CBCNV, NLĐ đoàn kết để vượt qua khó khăn.

- Những khó khăn, tồn tại.

+ Thời tiết ngày càng khắc nghiệt ảnh hưởng đến việc sản xuất của Công ty như: khai thác nhựa Thông, trồng rừng nguyên liệu ...

+ Là đơn vị lâm nghiệp, sản xuất ngoài trời, diện tích rừng phân tán trên 3 huyện và 01 Thị xã, đan xen khu dân cư, hoạt động sản xuất liên quan đến đời sống dân sinh xã hội ở địa phương nên khó khăn cho việc tổ chức sản xuất.

+ Nguồn kinh phí bảo vệ rừng cấp chưa kịp thời do đó vốn cho sản xuất kinh doanh, trả lương và các chế độ cho người lao động gặp nhiều khó khăn. Công ty phải đi vay ngân hàng để thanh toán tiền lương và nộp các khoản bảo hiểm hàng tháng cho người lao động.

+ Nguồn vốn tự có của Công ty còn hạn chế, trong lúc nhu cầu đầu tư cho các dự án sản xuất như trồng rừng nguyên liệu, chăm sóc Cao su là rất lớn.

+ Công tác quản lý bảo vệ rừng gặp nhiều khó khăn do đơn giá bảo vệ rừng tính trên 1 ha rừng bảo vệ (200.000đ/ha) không đủ để trả lương và nộp các khoản bảo hiểm cho lực lượng làm công tác quản lý bảo vệ rừng ở Công ty.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;

- Lưu KTTK, VT.



Trần Quang Dảm

